

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *691* /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội
huyện Bạch Thông giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND - UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07/02/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3130/2005/QĐ-UBND ngày 12/12/2005 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 19/4/2006 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt đề cương và dự toán lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Bạch Thông giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị tại Báo cáo thẩm định số 283/BCTĐ-KH&ĐT ngày 09/4/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 26/02/2007 của UBND huyện Bạch Thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Bạch Thông giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020, hồ sơ do Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp - Bộ NN&PTNT lập với nội dung chính như sau:

1. Quan điểm và các mục tiêu phát triển:

1.1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển kinh tế xã hội huyện nằm trong định hướng chung của toàn tỉnh trong giai đoạn mới, giao thương mật thiết với các huyện khác. Xây dựng huyện Ngân Sơn mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị, bền vững về môi trường, văn minh, sạch đẹp, trở thành một huyện có trình độ phát triển tiên tiến của tỉnh.

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo, huy động mọi nguồn lực khai thác tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế với tốc độ nhanh hơn thời kỳ vừa qua. Đặt sự phát triển trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế, trong sự hợp tác chặt chẽ với các huyện khác trong toàn vùng Đông Bắc để phát triển kinh tế có chất lượng cao hơn. Lấy tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, hiệu quả và ổn định là thước đo của sự phát triển.

- Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với phát triển xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội. Phát huy các giá trị văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nền văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, nâng cao đời sống vật chất, đời sống văn hoá của nhân dân; xoá đói nghèo và các tệ nạn xã hội. Kết hợp đồng bộ giữa phát triển sản xuất với phát triển kết cấu hạ tầng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Phấn đấu xây dựng huyện sớm trở thành huyện có trình độ phát triển trung bình tiên tiến của khu vực, hoà nhập được với bối cảnh toàn cầu hoá.

- Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái. Không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên.

1.2. Các mục tiêu phát triển

1.2.1. Mục tiêu tổng quát:

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo, huy động mọi nguồn lực khai thác tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phấn đấu đến năm 2010 cơ cấu kinh tế của huyện là: Nông lâm nghiệp thuỷ sản 55% - Công nghiệp và xây dựng 15% - Thương mại và dịch vụ 30%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, hiệu quả và ổn định. Dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2006 - 2020 là 16,31%.

- Phát triển văn hoá - xã hội tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế. Phát huy các giá trị văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nền văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, thực hiện tốt chính sách xã hội, nâng cao tích lũy nội bộ. Đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

*** Giai đoạn 2006 - 2010:**

a) Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 17,5%.
- Cơ cấu kinh tế của huyện: Nông nghiệp 55%; Công nghiệp XDCB 15% và dịch vụ 30% vào năm 2010.
- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 8% vào năm 2010.
- GDP bình quân đầu người (năm 2010) 8,5 triệu đồng/năm (giá HH).

b) Về phát triển xã hội:

- Phấn đấu tỷ lệ giảm sinh mỗi năm 0,4‰, phấn đấu năm 2010 giảm 1/3 tỷ lệ hộ nghèo so với năm 2005, nâng mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo.

- Đến năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 15%; có 80-85% lao động có việc làm sau đào tạo.

- An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Môi trường được cải thiện. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2010 đạt 76%. Đến năm 2010 khoảng 85% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; thu gom và xử lý trên 70% rác thải sinh hoạt khu vực thị trấn thị tứ và 40% rác thải khu vực nông thôn.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể của địa phương được bảo tồn, tôn tạo.

*** Định hướng đến năm 2015:**

a) Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt 15,8%.

- Đưa cơ cấu kinh tế của huyện đạt tỷ lệ: Nông nghiệp 47,25%; công nghiệp XDCCB 20,25% và dịch vụ trên 32,5% vào năm 2015.

- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt khoảng 10% vào năm 2015.

- GDP bình quân đầu người (năm 2015) 17 triệu đồng/năm (giá HH).

b) Về phát triển xã hội:

- Phấn đấu tỷ lệ giảm sinh mỗi năm 0,4‰, phấn đấu năm 2015 giảm 1/3 tỷ lệ hộ nghèo so với năm 2010, nâng mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo.

- Đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 25%; có 80-85% lao động có việc làm sau đào tạo.

- An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Môi trường được cải thiện và ổn định. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 81%. Đến năm 2015 khoảng 90% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; thu gom và xử lý trên 90% rác thải sinh hoạt (khu vực thị trấn, thị tứ) và 60% rác thải khu vực nông thôn.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể của địa phương được bảo tồn, tôn tạo.

*** Định hướng đến năm 2020:**

a) Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 15,65%.

- Cơ cấu kinh tế của huyện đạt tỷ lệ: Nông nghiệp 39,5%; công nghiệp XDCCB 25,5 % và dịch vụ 35 % vào năm 2020.

- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt khoảng 15-18% vào năm 2020.

- GDP bình quân đầu người (năm cuối kỳ) 33 triệu đồng/năm (giá HH).

b) Về phát triển xã hội:

- Ổn định tỷ lệ sinh ở mức 0,95-1%/năm, phấn đấu năm 2020 không còn hộ đói, hộ nghèo còn khoảng 5%.

- Đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 40 %; có 90-95% lao động có việc làm sau khi được đào tạo.

- Công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Môi trường được giữ gìn và cải thiện. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt trên 81,5%. Đến năm 2020 có trên 95% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; thu gom và xử lý trên 95% rác thải sinh hoạt (khu vực thị trấn, thị tứ) và 80% rác thải khu vực nông thôn.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể của địa phương được bảo tồn, tôn tạo.

2. Các phương án phát triển chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị tính	Các phương án phát triển		
			PA I	PA II	PA III
	Giai đoạn 2006-2010				
1	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	14.30	17.50	20.20
2	Giá trị tăng thêm				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	66.8	87.1	106
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	13.4	17.4	21.2
3	GDP bình quân đầu người giá SS	Triệu đồng	4.208	4.831	5.413
4	Cơ cấu GDP theo ngành				
	+ Nông lâm nghiệp	%	55.00	55.00	55.00
	+ CN-XDCB	%	15.00	15.00	15.00
	+ Thương mại-DV	%	30.00	30.00	30.00
5	Chỉ số ICOR dự kiến	Lần	3.5	3.5	3.5
6	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	234.0	305	371
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	58.50	76.2	92.8

II	Giai đoạn 2011-2015				
1	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	10.40	15.80	20.00
2	Giá trị tăng thêm				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	98.10	170.3	262.3
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	19.60	34.1	52.5
3	GDP bình quân đầu người giá SS	Triệu đồng	6.882	9.589	12.837
4	Cơ cấu GDP theo ngành				
	Nông lâm nghiệp	%	47.25	47.25	47.25
	CN-XDCB	%	20.25	20.25	20.25
	Thương mại-DV	%	32.50	32.50	32.50
5	Chỉ số ICOR dự kiến	Lần	4.00	4.00	4.00
6	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	392	681	1049
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	78.50	136.2	209.9
III	Giai đoạn 2016-2020				
1	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	10.40	15.65	20.30
2	Giá trị tăng thêm				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	150.5	350.2	666.5
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	30.1	70.00	133.3
3	GDP bình quân đầu người giá SS	Triệu đồng	10.78	18.949	30.895
4	Cơ cấu GDP theo ngành				
	Nông lâm nghiệp	%	39.50	39.50	39.50
	CN-XDCB	%	25.50	25.50	25.50
	Thương mại-DV	%	35.00	35.00	35.00
5	Chỉ số ICOR dự kiến	Lần	4.3	4.3	4.3
6	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	647	1506	2866
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	129.4	301.2	573.2

3. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của phương án chọn:

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị tính	Các giai đoạn phát triển		
			2006-2010	2011-2015	2016-2020
I	Chỉ tiêu kinh tế				
	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	17.50	15.80	15.65
	Giá trị tăng thêm				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	87.09	170.29	350.19
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	17.42	34.06	70.04
	GDP bình quân đầu người giá SS	Triệu đồng	4.831	9.589	18.949
	GDP bình quân đầu người giá HH	Triệu đồng	8.50	17.00	33.00
	Cơ cấu GDP theo ngành				
	Nông lâm nghiệp	%	55.00	47.25	39.50
	CN-XDCB	%	15.00	20.25	25.50
	Thương mại-DV	%	30.00	32.50	35.00
	Chỉ số ICOR dự kiến	Lần	3.5	4.0	4.3
	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	304.82	981.16	1505.81
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	76.20	136.23	301.16
II	Chỉ tiêu xã hội (năm cuối kỳ)				
	Tỷ lệ tăng dân số	%	1.00	0.95	0.90
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	35.00	15.00	5.00
	Lao động được đào tạo nghề	%	15.00	25.00	40.00
	Tỷ lệ lao động có việc làm	%	97.50	98.00	98.50
	Tỷ lệ số hộ dùng điện	%	85.00	90	100.00

III	Chỉ tiêu môi trường				
	Tỷ lệ dùng nước sạch	%	85.00	90	95.00
	Độ che phủ rừng	%	76.00	80	81.50

4. Các biện pháp chủ yếu để đạt mục tiêu quy hoạch.

- Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng ngành nông nghiệp:

+ Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng chú trọng sản xuất các nông lâm sản hàng hoá chất lượng, năng suất và hiệu quả. Hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung (vùng hồi, vùng chè, vùng cam quýt, vùng thuốc lá, vùng nguyên liệu giấy, vùng bò thịt hàng hoá...) tạo tiền đề phát triển thị trường nông lâm sản tại chỗ và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt; phát triển ngành nghề nông thôn để chuyển một số lao động nông nghiệp sang các ngành sản xuất phi nông nghiệp. Tạo thu nhập ngoài sản xuất nông nghiệp cho dân cư nông thôn.

- Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng sản xuất công nghiệp, TTCN và xây dựng:

+ Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng, các ngành mà huyện Bạch Thông có lợi thế cạnh tranh.

+ Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản sử dụng nguồn nguyên liệu và thu hút được nhiều lao động tại chỗ; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn (chế biến hoa quả, chế biến tinh dầu hồi, chế biến chè, bột giấy, ván nhân tạo...).

+ Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu ngành nghề mới, ưu tiên đầu tư vào tiểu thủ công nghiệp làng nghề, thu hút nhiều lao động và nâng cao hiệu suất sử dụng lao động nông thôn. Đi trước đón đầu đáp ứng nhu cầu bùng nổ về xây dựng tại chỗ trong thời gian tới.

+ Chú trọng vấn đề môi trường trong các chương trình, dự án phát triển công nghiệp.

- Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng ngành dịch vụ:

+ Trước mắt đáp ứng tốt hơn các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của nhân dân, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn. Chú trọng phát triển hệ thống chợ nông thôn, hỗ trợ tiêu thụ các loại nông lâm sản hàng hoá tại chỗ, thúc đẩy sản xuất nông lâm sản hàng hoá trong huyện.

+ Tập trung phát triển dịch vụ chất lượng cao và toàn diện, đặc biệt là dịch vụ vận tải, dịch vụ tài chính ngân hàng, dịch vụ bưu chính viễn thông. Nâng cao hiệu quả các hoạt động tài chính hỗ trợ sản xuất.

+ Phát triển du lịch trên cơ sở cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hoá của huyện kết hợp với các tua du lịch nối liền Thái Nguyên, Cao Bằng.

5. Phương án tổ chức lãnh thổ các hoạt động kinh tế xã hội:

5.1. Trồng trọt:

Sản xuất trồng trọt vẫn có nhiệm vụ trọng tâm là sản xuất và cung ứng các nhu cầu tiêu dùng tại chỗ. Tuy nhiên, sản xuất các nông sản hàng hoá cũng ngày càng có vai trò quan trọng. Định hướng trên địa bàn huyện Bạch Thông dần dần sẽ hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung chuyên canh sau:

- Vùng sản xuất lúa: hình thành vùng lúa tập trung gồm 8 xã: Vi Hương, Phương Linh, Tú Trĩ, Tân Tiến, Lục Bình, Hà Vị, Quân Bình, Cẩm Giàng. Phát huy thuận lợi những cánh đồng bằng phẳng, đất đai tốt, có nguồn nước tưới tiêu thuận lợi để thâm canh lúa, phấn đấu đạt năng suất từ 52-55 tạ/ha (vào năm 2010).

- Vùng sản xuất ngô tập trung: Gồm các xã Mỹ Thanh, Dương Phong, Quang Thuận, Đôn Phong, Nguyên Phúc. Toàn bộ diện tích sẽ được gieo trồng bằng các giống ngô lai năng suất cao, phấn đấu đạt năng suất bình quân từ 32-35 tạ/ha vào năm 2010.

- Vùng sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày:

- + Cây đậu tương: gồm các xã Sỹ Bình, Vũ Muộn, Cao Sơn, Lục Bình, Nguyên Phúc, tăng diện tích gieo trồng các giống đậu tương mới năng suất cao như DT84, DT90, VX93.

- + Cây thuốc lá: tập trung ở các xã Sỹ Bình, Vũ Muộn, Tân Tiến, Tú Trĩ, Quân Bình, Lục Bình.

- Vùng trồng cây đặc sản địa phương (cây khoai môn) tập trung ở các xã Đôn Phong, Quang Thuận. Áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới để thâm canh tăng năng suất.

- Vùng trồng cây ăn quả: vùng trồng cây cam quýt tập trung ở các xã Quang Thuận, Dương Phong, Đôn Phong. Vùng trồng cây vải thiều, nhãn lồng, xoài, na dai tập trung ở các xã dọc đường QL3 như Cẩm Giàng, Quân Bình, Tân Tiến, Phương Linh.

- Vùng trồng cây nguyên liệu giấy: tập trung ở các xã Nguyên Phúc, Cẩm Giàng, Đôn Phong, Dương Phong, Quang Thuận, Lục Bình, Tú Trĩ, Phương Linh, Vi Hương.

- Vùng trồng cây công nghiệp, cây lâm đặc sản: vùng hồi gồm các xã Sỹ Bình, Vũ Muộn, Cao Sơn, Mỹ Thanh, Nguyên Phúc. Vùng trồng chè tuyết Shan gồm các xã Đôn Phong, Cao Sơn.

5.2. Chăn nuôi:

Vùng chăn nuôi gia súc: phát triển đang lợn hướng nạc ở các thị trấn, thị tứ của huyện như thị trấn Phủ Thông, thị tứ Cẩm Giàng. Phát triển đàn trâu, bò, dê ở các xã Mỹ Thanh, Cao Sơn, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Nguyên Phúc, Đôn Phong, Dương Phong.

5.3. Bố trí các khu, điểm công nghiệp:

- Điểm công nghiệp Sỹ Bình: chủ yếu là khai khoáng và sơ chế quặng. Diện tích 20 ha.

- Điểm công nghiệp Quang Thuận: Chế biến nông lâm sản. Diện tích 10 ha.
- Điểm công nghiệp Vi Hương: chế biến gỗ và sản phẩm lâm nghiệp.
- Điểm công nghiệp Thị trấn Phủ Thông: chế biến nông lâm sản. Diện tích 24,5 ha.
- Cụm công nghiệp Cẩm Giàng: đúc gang và chế biến gỗ. Diện tích 10 ha.
- Điểm công nghiệp Vũ Muộn: sản xuất đá xẻ Granit.

6. Tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Sau khi quy hoạch được phê duyệt, cần công khai hoá quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, tuyên truyền, quảng cáo, thu hút sự chú ý của toàn dân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để huy động tham gia thực hiện quy hoạch. Đồng thời thường xuyên nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Cụ thể hoá quy hoạch bằng các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải bám vào các mục tiêu quy hoạch đã được duyệt và tiến độ phải thực hiện trong từng thời kỳ.

- Giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch. Cuối mỗi kỳ quy hoạch (năm 2010, 2015, 2020) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng thời kỳ, bổ sung và điều chỉnh lại theo mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Xây dựng chương trình hành động và các chương trình phát triển theo từng thời kỳ theo định hướng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện đến năm 2020. Phối hợp với các ban, ngành của tỉnh Bắc Kạn và các ngành Trung ương để triển khai các chương trình phát triển và hợp tác cùng phát triển. Tăng cường quan hệ liên vùng để đảm bảo sự thống nhất cùng nhau phát triển.

Điều 2. UBND huyện Bạch Thông có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch đã được duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Bạch Thông và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- PVPTH;
- Lưu: VT-P.TH&KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN



Hà Đức Toại